TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177 /2017/HNGĐ-ST.
Ngày:12-10-2017
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai.**

2. Bà **Phan Thị Nga.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Thảo.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà **Lê Mai Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2017/QĐXX-ST ngày 5 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu N**, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp KT2, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Phan Thanh S**, sinh năm 1979; Địa chỉ ấp KT2, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị N trình bày: chị và anh Phan Thanh S xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KT, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Hôn nhân do tự tìm hiểu, vợ chồng sống hạnh phúc đến 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, vợ chồng thường xuyên cự cải, không lo cho vợ con chỉ lo ăn chơi. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Gia đình hai bên có giàn xếp nhưng không được, anh S có đến hàn gắn nhưng vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm không còn xin ly hôn với Phan Thanh S.

- ***Về quan hệ con chung:*** Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thị Thanh T, sinh ngày 8.6.2000. Hiện con chung do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phan Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh S không đến tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh S chấp hành pháp luật tố tụng chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa chị N và anh S là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn. Vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian dài ly thân không thể hàn gắn và chị N đang nuôi con, yêu cầu được ly hôn và tiếp tục nuôi con chung của chị N có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về nội dung

*[2.1].*Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu N và anh Phan Thanh S là hợp pháp vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn kéo dài và không chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại địa phương cũng nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn và không còn sống chung nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

*[2.2].*Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thị Thanh T, sinh 8.6.2000. Hiện con chung do chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Nguyệt yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, con chung hiện chị N nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định, tại tờ tự khai của cháu Trúc có nguyện vọng

tiếp tục sống với chị N. Vì vậy, nghĩ nên tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thu N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3].Về tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[2.4].Về án phí hôn nhân sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị N phải chịu án phí HNST là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Thu N** xin ly hôn anh **Phan Thanh S.**

2. Về quan hệ con chung: Chị **Nguyễn Thị Thu N** được nuôi 01 con chung tên Phan Thị Thanh T, sinh 08.6.2000. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thu N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh

nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0014103 ngày 27/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Riêng anh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Kiến Thành, h. Chợ Mới, An Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.